

Bản án số: 25/2025/HNGĐPT

Ngày: 22/9/2025.

V/v: "Ly hôn; tr C chấp nuôi con,
chia tài sản chung"

NHÂN D C
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Do C

Bà Vũ Thị An

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Miên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn, tr C chấp nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2025/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: C Vũ Ngọc C, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho C Cương: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Luật sư Công ty Luật TNHH An Hòa thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Mai Thị Lan C, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Ông Mai Viết Do C, sinh năm 1960 (Có mặt)

3.2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: TDP B, phường B, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

C Nguyễn Thành V, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người kháng cáo: C Vũ Ngọc C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm nguyên đơn C Vũ Ngọc C trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: C và chị Mai Thị Lan C kết hôn với nhau vào năm 2020, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2024 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là hai vợ chồng không hiểu nhau, chị Lan C đi làm thì đi sớm về muộn, khi về có mùi rượu, do vậy hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. C chị sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay C xác định không còn tình cảm với chị Lan C và xin tòa án cho C chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống C và chị Lan C có 01 con chung là cháu Vũ Thảo Linh, sinh ngày 22/10/2020, khi ly hôn C có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì C là người chăm sóc con từ tháng 06/2024 đến tháng 09/2024. Từ tháng 09/2024 đến nay cháu Linh ở với mẹ và ông bà ngoại, thỉnh thoảng C có xuống thăm con, có gọi điện nói chuyện với con. Khi xuống thăm con thì C có mua sữa, quần áo cho con chứ không gửi tiền nuôi dưỡng con. C có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn, điều kiện sống, điều kiện giáo dục của C tốt hơn. Về cấp dưỡng nuôi con: C không yêu cầu tòa án giải quyết. Về quyền thăm nom con chung: Chị Lan C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có tài sản chung là:

- 01 xe ô tô BKS 20A-167.96, nhãn hiệu Kia K3. Nguồn gốc xe hai vợ chồng C mua của chị gái C là Vũ Thị Thúy Nga, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 24A, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên vào năm 2021, với giá 196.500.000đ. Khi mua hai bên có lập hợp đồng mua bán nhưng hiện nay C không biết đã để ở đâu. Chiếc xe này hiện nay C đang sử dụng.

- Thửa đất số 492, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 379731 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/3/2024 cho ông Mai Viết Do C và bà Bùi Thị H. Nguồn gốc thửa đất này vợ chồng C mua của C Nguyễn Văn Tùng vào tháng 01/2024 với giá 350.000.000đ, C không biết năm sinh và địa chỉ của C Tùng ở đâu. Trước khi mua thửa đất này Lan C có nói cho C biết là sẽ mua 01 mảnh đất ở phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên. C cũng không hỏi gì thêm. Khi chị Lan C mua thửa đất này thì C không biết và cũng không tham gia vào bất cứ giao dịch nào. Chị Lan C có nói là bên chi nhánh văn phòng đất đai đang th C tra, kiểm tra sợ phải giải trình tài sản nên sẽ để cho bố mẹ chị Lan C là ông Do C, bà H đứng tên. Khi chị Lan C cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này về thì C là người giữ cho đến nay. C xác định tài sản này là tài sản chung của vợ chồng C vì nguồn tiền mua là của vợ chồng C, do vợ chồng C bán thửa đất của C vào năm 2021 được 780.000.000đ.

Về nợ chung: C chị không có nợ chung.

Về khoản cho vay chung: Vợ chồng C có cho C Nguyễn Thành Vân vay số tiền 500.000.000đ vào ngày 13/7/2022. Chị Lan C là người cho C Vân vay từ số tiền bán đất được 780.000.000đồng nêu trên. Hiện nay, C Vân đã trả hay chưa thì C cũng không biết vì C cũng không hỏi gì chị Lan C hay C Vân về số tiền này.

Về tài sản chung, khoản cho vay C đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyên tắc chia đôi giá trị tài sản, C sẽ nhận hiện vật là xe, thửa đất và sẽ th C toán giá trị cho chị Lan C. Nếu C V đã trả tiền cho chị Lan C thì chị Lan C có trách nhiệm trả lại cho C số tiền 250.000.000đ. Đề nghị lấy kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 19/3/2025 làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về yêu cầu độc lập của ông Do C, bà H yêu cầu C trả lại cho ông bà bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 379731 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/3/2024 mang tên ông Do C, bà H thì C không nhất trí. Vì thửa đất này là của vợ chồng C, không phải của ông Do C, bà H.

Bị đơn chị Mai Thị Lan C trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị xác định toàn bộ ý kiến và lời khai trên của C C là đúng. Quá trình chung sống, đến tháng 09/2024 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. C chị đã sống ly thân từ tháng 09/2024 đến nay. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể níu kéo đoàn tụ được đề nghị Toà án giải quyết cho C chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và C C có 01 con chung là cháu Vũ Thảo Linh, sinh ngày 22/10/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng chị sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì cháu là con gái, hiện còn nhỏ, chị là người chăm sóc cháu từ bé đến nay. Khoảng thời gian từ tháng 06-09/2024 C C chăm con là do cháu chuyển trường về gần nhà ông bà nội, để ông bà đón giúp buổi chiều. Tuy nhiên, bố và ông bà nội không chăm sóc cháu được đầy đủ nên từ đầu tháng 10/2024 chị đón về chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình chị nuôi con thì C C không gửi tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Về quyền thăm nom con chung: C C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng chị có tài sản chung là: 01 xe ô tô BKS 20A-167.96, nhãn hiệu Kia K3. Nguồn gốc xe hai vợ chồng chị mua của chị gái C C là Vũ Thị Thúy N, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 24A, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên vào năm 2021, với giá 300.000.000đ. Khi mua xe, lúc đó chị mới sinh con nên C C là người đứng ra giao dịch mua bán. Hiện nay C C là người sử dụng chiếc xe này. Chị nhất trí ý kiến của C C là sẽ chia đôi giá trị của chiếc xe theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 19/3/2025, C C sẽ là người được nhận xe và phải trả tiền cho chị.

Về nợ chung: C chị không có nợ chung.

Về khoản cho vay chung: Vợ chồng chị có cho C Nguyễn Thành V vay số tiền 500.000.000đ vào ngày 13/7/2022. Hiện nay, C Vân đã trả hết cho vợ chồng chị số tiền này. Khi trả C Vân trả nhỏ lẻ, có tháng trả 10.000.000đ, có tháng trả 20.000.000đ.

Chị đã dùng số tiền này vào sinh hoạt chi tiêu cho gia đình, đi học. Số tiền của C Vân vay hiện nay chỉ còn 130.000.000đ. Chị nhất trí chia đôi số tiền này mỗi người được hưởng một nửa là 65.000.000đ.

Về thửa đất số 492, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 379731 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/3/2024 cho ông Mai Viết Do C và bà Bùi Thị H. Đây là tài sản của bố mẹ chị chứ không phải là tài sản chung của hai vợ chồng. Tiền mua đất là của bố mẹ chị, hai vợ chồng chị không có đóng góp gì. Sau khi nhận được bìa thì chị có đưa C C bảo mang về đưa cho bố mẹ chị nhưng C C không đưa. C C cho rằng đây là tài sản của hai vợ chồng là không chính xác. Nay bố mẹ chị đề nghị C C trả lại cho bố mẹ chị bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 379731 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/3/2024 thì chị nhất trí vì đây là tài sản của bố mẹ chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Do C, bà H trình bày: Thửa đất số 492, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 379731 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/3/2024 là tài sản riêng của ông bà. Qua chị Lan C giới thiệu và có nhu cầu mua đất nên ông bà có mua thửa đất số 492, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên. Ông bà là người đứng ra giao dịch, ký hợp đồng chuyển nhượng với chủ đất là chị Trần Thị Thu Hiền và trả tiền bằng tiền mặt tại văn phòng công chứng với giá 450.000.000đ. Tiền mua đất là của ông bà, C C và chị Lan C không có đóng góp gì. Sau khi ký hợp đồng công chứng xong ông bà có nhờ chị Lan C làm giúp thủ tục sang tên và lấy bìa cho ông bà. Khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Lan C có đưa cho C C để đưa cho ông bà nhưng C C không đưa cho ông bà và đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Ông bà đề nghị C C trả lại cho ông bà bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 379731 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/3/2024 cho ông Mai Viết Do C và bà Bùi Thị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan C Nguyễn Thành V trình bày: Ngày 13/7/2022 C có vay của vợ chồng chị Mai Thị Lan C số tiền 500.000.000đ, chị Lan C chuyển khoản số tiền này cho C. Quá trình vay C trả cho chị Lan C thành nhiều đợt, có lần 05 triệu, 10 triệu, 20 triệu, 50 triệu, gom được khoản tiền nào là C lại trả cho chị Lan C. Ngày trả tiền từng lần thì C không nhớ được. Khoảng cuối năm 2024 C đã trả hết số tiền này cho chị Lan C, giờ C không còn nợ gì vợ chồng chị Lan C nữa. Khi vay và trả tiền C đều thông qua chị Lan C, không thấy C C gọi hỏi gì C về số tiền này. Do điều kiện công tác bận, không xin nghỉ được nên C đề nghị Tòa án cho phép C được vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa và phiên tòa xét xử.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thái Nguyên đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho C Vũ Ngọc C được ly hôn với chị Mai Thị Lan C.
2. Về con chung

2.1. Giao con chung là cháu Vũ Thảo L, sinh ngày 22/10/2020 cho chị Mai Thị Lan C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lan C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung:

Tài sản chung của C C và chị Lan C là 01 xe ô tô BKS 20A-167.96, nhãn hiệu Kia K3, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20 001923 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký ngày 02/02/2021 mang tên Vũ Ngọc Cương.

Giao C C được quyền sở hữu xe ô tô BKS 20A-167.96, nhãn hiệu Kia K3 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20 001923 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký ngày 02/02/2021 mang tên Vũ Ngọc Cương.

C Vũ Ngọc C có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản chung cho chị Mai Thị Lan C số tiền là 144.100.000 đồng (*một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng*).

4. Về các khoản cho vay:

Buộc chị Mai Thị Lan C có trách nhiệm trả lại cho C Vũ Ngọc C 1/2 số tiền cho vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

5. Về nợ chung:

C Vũ Ngọc Cương, chị Mai Thị Lan C xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Viết Do C , bà Bùi Thị H : Buộc C Vũ Ngọc C phải trả cho ông Mai Viết Do C , bà Bùi Thị H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 379731 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/3/2024 mang tên ông Mai Viết Do C và bà Bùi Thị H .

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2025, C Vũ Ngọc C có đơn kháng cáo đề nghị Toà án Phúc thẩm xem xét các nội dung

- Về con chung, C đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung
- Về tài sản: Xác định thửa đất số 492, tờ bản đồ số 24 ở phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung vợ chồng, và phân chia tài

sản chung theo tỷ lệ mỗi người 50% giá trị tài sản; C C nhận hiện vật và trả cho chị Lan C bằng giá trị theo biên bản định giá tài sản ngày 19/3/2025.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của C Vũ Ngọc C. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thái Nguyên.

C C phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tr C tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của C Vũ Ngọc C làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của C C đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy:

Hiện nay cháu L đang ở với chị Lan C hơn nửa từ khi sinh ra đến nay cháu L đều ở với mẹ. Chị Lan C hiện đang có công việc ổn định, có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. C C cho rằng C hiện đang làm ở hai công ty, thu nhập trên 20.000.000đ/tháng nhưng C không giao nộp tài liệu gì chứng minh thu nhập của mình.

Căn cứ khoản 1 Điều 6 [Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP](#) quy định khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của con phải đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu chí sau đây:

“Điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột”

Quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi

.....

Bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con”

Cháu Linh là con gái, tuổi còn nhỏ (chưa đủ 05 tuổi) cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ, do đó yêu cầu của chị Lan C là phù hợp quy định pháp luật. Giao cháu Vũ Thảo Linh cho chị Lan C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi

con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nội dung kháng cáo này C C không được chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của C C yêu cầu xác định thừa đất số 492, tờ bản đồ số 24 ở phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung vợ chồng, và phân chia tài sản chung theo tỷ lệ mỗi người 50% giá trị tài sản; C C nhận hiện vật và trả cho chị Lan C bằng giá trị theo biên bản định giá tài sản ngày 19/3/2025.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đối với thừa đất số 492, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 379731 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/3/2024 cho ông Mai Viết Do C và bà Bùi Thị H. C C xác định có thấy chị Lan C nói là mua một thửa đất, tuy nhiên chị Lan C mua khi nào, chủ đất là ai và mọi giao dịch liên quan đến thửa đất C đều không biết và không tham gia. Phù hợp với lời khai của chị Lan C, ông Do C, bà H mọi việc giao dịch, trao đổi mua bán với chủ đất đều là ông bà đứng ra. C C không tham gia bất cứ giao dịch nào. C C cho rằng do chị Lan C làm ở chi nhánh văn phòng đất đai thành phố Thái Nguyên, lúc đó đang th C tra, kiểm tra sợ phải giải trình tài sản nên sẽ để cho bố mẹ chị Lan C là ông Do C, bà H đứng tên. Tuy nhiên, C C không đưa được bất cứ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Do vậy, xác định thừa đất số 492, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên là tài sản của ông Do C, bà H, không phải là tài sản chung của C Cương, chị Lan C. **Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của C C về nội dung này.**

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Về án phí: Do C C không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của C Vũ Ngọc C.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ -ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: C Vũ Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000116 ngày 24/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Thái Nguyên)

Các quyết định khác của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2025/HNGĐ -ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái

Nguyên Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND KV1 - Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV1 – Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Quang Huy

